

Bản án số: **23/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 18-07-2023

V/v “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NTTH

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Tân và bà Nguyễn Ngọc Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Bà PTT - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông TVM
- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2023/TLST- HNGĐ ngày 26/5/2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị LTH, sinh năm 197X; địa chỉ: Thôn CP, xã TH, huyện LG, tỉnh BG (*có đơn xin vắng mặt*)

- ***Bị đơn:*** Anh TĐL, sinh năm 197X; địa chỉ: Thôn BV, xã CT, huyện YD, tỉnh BG (*có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị LTH trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh TĐL chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, , trước khi cưới anh chị có thời gian tìm hiểu. Lý do anh chị không đi đăng ký kết hôn là do không hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng anh chị ra ở riêng tại thôn BV, xã CT, huyện YD. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung. Đến năm 2006, chị đi xuất khẩu lao động ở CH Síp, đến năm 2010 thì về Việt Nam. Trong thời gian chị lao động ở nước ngoài, vợ chồng chị vẫn liên lạc, quan tâm nhau. Khi về nước chị vẫn về chung sống cùng anh L nhưng vợ chồng chung sống được mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, bất đồng, mặc dù anh chị đã nhiều

lần ngồi nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể hòa hợp được, cứ nói chuyện là cãi nhau. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có hòa giải, động viên nhưng không có kết quả. Năm 2011, chị bỏ về quê ở thôn CP, xã TH, huyện LG sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa. Do anh chị không có đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh TĐL là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống với anh L, vợ chồng có 01 con chung là TDL, sinh năm 199X. Hiện nay con chung đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh TĐL trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị LTH chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có sự chứng kiến của gia đình và họ hàng hai bên, trước khi cưới anh chị có thời gian tìm hiểu. Lý do anh chị không đi đăng ký kết hôn là do anh chị không hiểu biết pháp luật nên nghĩ chỉ cần tổ chức cưới hỏi được hai bên gia đình công nhận là được. Sau khi cưới vợ chồng anh ở riêng tại thôn BV, xã CT, huyện YD. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc có 01 con chung. Năm 2006, chị H đi xuất khẩu lao động ở CH Sip, trong thời gian chị H lao động ở nước ngoài, vợ chồng vẫn liên lạc, quan tâm nhau. Đến năm 2010, hết hạn hợp đồng thì chị H về Việt Nam, vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau nhưng được mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, bất đồng, mặc dù cả hai đã nhiều lần ngồi nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể hòa hợp được. Gia đình hai bên có hoà giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Năm 2011, chị H đã tự bỏ về quê ở thôn CP, xã TH, huyện LG sống. Vợ chồng cũng ly thân từ đó, cả hai không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không thể hàn gắn được. Do anh chị không có đăng ký kết hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị H là vợ chồng thì anh đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án cho anh chị nhanh chóng để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là TDL, sinh ngày 17/12/1997. Hiện nay con chung đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, khi ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ thu thập được:

+ Tại biên bản xác minh với UBND xã CT đã cung cấp: Qua kiểm tra rà soát sổ sách theo dõi việc đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã CT thì UBND xã chỉ còn lưu giữ được sổ sách đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay và trong sổ sách đăng ký kết hôn tại UBND xã CT từ năm 1999 đến nay không có trường hợp nào có họ tên là LTH, sinh năm 197X; địa chỉ: Thôn CP, xã TH, huyện LG, tỉnh BG và TDL, sinh năm 197X; địa chỉ: Thôn BV, xã CT, huyện YD, tỉnh BG kết hôn với nhau.

+ Tại biên bản xác minh với ông PHN là trưởng thôn BV đã cung cấp: Anh TDL và chị LTH chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay, có tổ chức lễ cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Việc chung sống như vợ chồng của anh L và chị H là công khai, được hai bên gia đình thừa nhận. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại địa phương. Năm 2006, chị H đi xuất khẩu lao động đến năm 2010 mới về nước nhưng một thời gian sau đó thì vợ chồng có mâu thuẫn, xích mích nên khoảng năm 2011 chị H không còn chung sống cùng với anh L ở gia đình anh L nữa. Còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì địa phương không nắm được. Anh L và chị H có một con chung sinh năm 1997, nay đã trưởng thành có gia đình riêng.

+ Tại biên bản xác minh với bà HTD là mẹ đẻ của anh TDL cung cấp: Anh L và chị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, trước khi về chung sống cùng nhau thì anh chị có được tự do tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng anh L ra ở riêng nhưng vẫn cùng thôn với bà. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2006 thì chị H đi xuất khẩu lao động đến năm 2010 mới về nước. Sau khi chị H về nước, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, xích mích. Đến năm 2011 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở LG ở và không còn chung sống cùng với bố con anh L nữa. Anh L và chị H có một con chung là TDL, sinh năm 1997, nay đã trưởng thành có gia đình riêng.

Do anh L và chị H đều có đơn đề nghị không hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên toà hôm nay, anh L và chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 217; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị LTH và xử: Không công nhận chị LTH và anh TĐL là vợ chồng; về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; về án phí: Chị LTH phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh TĐL hiện đang cư trú tại thôn BV, xã CT, huyện YD và yêu cầu khởi kiện của chị H là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Về mối quan hệ hôn nhân: Chị LTH và anh TĐL tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Nhưng chị H và anh L không đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L không có giá trị pháp lý nên không được công nhận.

Xét về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Sau chị H và anh L tự nguyện chung sống với nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong

tục tập quán và được hai bên gia đình và địa phương thừa nhận việc chung sống nhưng đến nay dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chị H và anh L vẫn chưa đăng ký kết hôn, đã vi phạm khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không ai quan tâm đến nhau, đã ly thân nhau từ năm 2011 đến nay làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do chị H và anh L không đăng ký kết hôn theo luật định nên HĐXX cần phải áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị LTH và anh TĐL là quan hệ vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Trần Đức Huy, sinh năm 1997, hiện nay con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng, chị H và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh L đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị LTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 8 Điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị LTH. Xử:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTH và anh TĐL là vợ chồng.

2.2. *Về án phí:* Chị LTH phải chịu án 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0010001 ngày 24/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YD. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- CCTHADS huyện YD;
- UBND xã CT, huyện YD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

NTTH